

Số: 168 /QĐ-THCSMTH

Na Sang, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 1083b/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 UBND Xã Na Sang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị sử dụng NS (HSCV)
- Website MNMTH
- Lưu KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Oanh

Đơn vị: Trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ
Chương: 622

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo
Thông tư số 90/2018/TT-BTC
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của
Bộ Tài chính*

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

*(Kèm theo Quyết định số: 168 /QĐ-THCSMTH, ngày 30 /12 /2025 của trường
PTDTBT THCS Ma Thì Hồ)*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.986
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.268
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.701
2	Nghiên cứu khoa học	17
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	